

Tên:

Lớp: S6...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Week: 11 - GVVN

Ngữ pháp HW:

Độc HW:

UNIT 4: INVENTIONS - PAST SIMPLE & WRITING PRACTICE

A. GRAMMAR: PAST SIMPLE

Cách dùng	+ Cho những hành động xảy ra trong quá khứ và đã kết thúc trong quá khứ. <i>E.g. He sold his car two weeks ago.</i> + Để thể hiện thói quen hay một điều đã từng đúng trong quá khứ. <i>E.g. When he was young, he lived in a small flat.</i> + Cho những hành động xảy ra nối tiếp nhau trong quá khứ. <i>E.g. She put on her coat, took her bag and left the house.</i>		
Dấu hiệu nhận biết	yesterday; last week/month/year; khoảng thời gian + ago; in + mốc thời gian ở quá khứ, etc.		
Cấu trúc		Với động từ thường	
	Khẳng định	S + V2/V-ed + O	<i>She watched TV yesterday.</i>
	Phủ định	S + didn't + V-inf	<i>They didn't go to the park last weekend.</i>
	Nghi vấn	Did + S + V-inf? → Yes, S + did . → No, S + didn't .	<i>Did you buy a new tablet yesterday?</i> → Yes, I did. / No, I didn't.
		Wh-question + did + S + V-inf?	<i>Where did you go last summer?</i>
Cách thêm -ed sau động từ	- Hầu hết các động từ nguyên mẫu → Thêm -ed <i>E.g: walk → walked</i> - Kết thúc bằng -e → Thêm -d <i>E.g: live → lived</i> - Kết thúc bằng một phụ âm + -y → Đổi -y thành -i rồi thêm -ed <i>E.g: study → studied</i> - Kết thúc bằng một nguyên âm (a, e, i, o, u) + -y → Giữ nguyên -y và thêm -ed <i>E.g: play → played</i> - Tận cùng là 1 nguyên âm + 1 phụ âm (trừ h, w, x, y) → Gấp đôi phụ âm cuối + -ed <i>E.g: stop → stopped</i>		

Một số những động từ bất quy tắc phổ biến

V1	V2	Meaning	V1	V2	Meaning
spend	spent	tiêu tiền / dành thời gian	forget	forgot	quên
hold	held	cầm, nắm/ tổ chức	leave	left	rời đi
steal	stole	ăn trộm, lấy cắp	catch	caught	bắt
lose	lost	làm mất đồ / thua trận	shine	shone	chiếu sáng, tỏa sáng
choose	chose	chọn, lựa chọn	fall	fell	ngã, rơi

B. CLASSWORK

WRITING PRACTICE

My Invention

Write about an invention (100 words).

- Choose a real or imaginary invention, or write a story.
- Generate ideas and write the introduction.



Sample ideas

💡	Name	The Smart Homework Pen
⚙️	What is it?	A special pen with a tiny screen and speaker.
★	What does it do?	It helps students check spelling, remember homework and learn new words.
👥	Who is it for?	Students who want to study better.
❤️	Why is it useful?	It saves time and makes homework easier and more fun.

My plan



Name



What is it?



What does it do?



Who is it for?



Why is it useful?

My introduction



Write your introduction here.

GRAMMAR (16 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép các từ ở bảng EXTRA VOCABULARY (trang 4) 1 dòng vào vở nhé!

II. Complete Amelia's review with the past simple form of the verbs in brackets.

How was your experience as an exchange student?

I (1) _____ (spend) four months at a high school in Beijing. I (2) _____ (choose) China's capital city because I (3) _____ (want) to go somewhere very different. Wellington, the capital of New Zealand, has a population of 200,000, while Beijing has a population of over 20 million!

Before I (4) _____ (leave) home, I was worried about the new language and culture. I remember that I (5) _____ (feel) very nervous when I (6) _____ (say) goodbye to my family.

My host family in China (7) _____ (look after) me really well. I (8) _____ (eat) all kinds of new food, I (9) _____ (see) some wonderful places and of course I (10) _____ (make) a lot of new friends.

I would definitely recommend the experience to other students.

III. Correct the underlined mistake and rewrite the complete sentence.

1. My friends and I didn't played football in the playground.

→ _____

2. In the first lesson, did our English teacher **taught** us some new words for sports?

→ _____

3. When I moved to a new school, I **studied** very hard.

→ _____

4. Last weekend, I **finded** a very good restaurant in my town.

→ _____

5. Did your friend Sara **brought** her dog to school one day?

→ _____

6. We **don't** put all our things in the car before we set off last holiday.

→ _____

READING PRACTICE (11 questions)

I. EXTRA VOCABULARY

Con học thuộc các từ dưới đây để làm bài bên dưới và chuẩn bị cho bài kiểm tra buổi sau nhé!

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

<https://on.soundcloud.com/BUa6xQAHtt3ZbfMlgL>



No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	coach (n)	xe khách đường dài / xe buýt du lịch	6	adult (n)	người lớn, người trưởng thành
2	delay (n/v)	sự chậm trễ, sự hoãn lại / làm trễ	7	local (adj)	(thuộc về) địa phương, trong vùng lân cận
3	on one's own (phr)	một mình, tự làm	8	half-price (adj/adv)	nửa giá, giảm 50%
4	suggest (v)	gợi ý, đề xuất	9	waiter (n)	nhân viên bồi bàn / phục vụ bàn (nam)
5	dessert (n)	món tráng miệng	10	amazing (adj)	đáng kinh ngạc, tuyệt vời

II. For each question, choose the correct answer.

1.



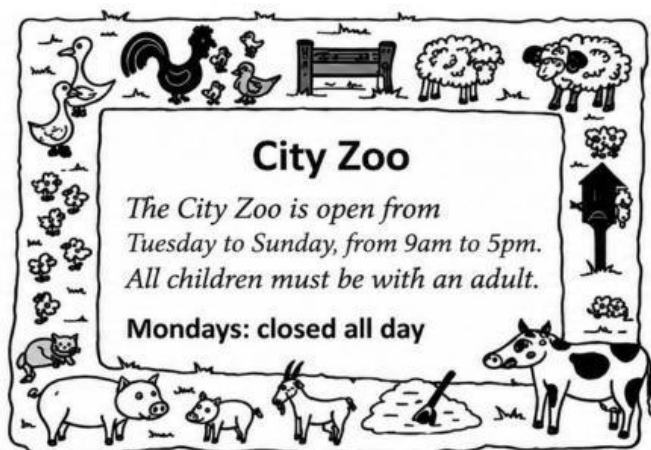
- A. The show isn't good for children.
- B. The show is on two days of the week.
- C. Right now, parents' tickets are half price.

2.



- A. The school is going to the museum by train.
- B. Jane and her friend are going on a school trip.
- C. The trip to the museum is after next week.

3.



- A. City zoo is open six days a week.
- B. Children can go to the zoo on their own.
- C. Only adults can visit the city zoo.

4.

11:05 - Bus to the local school

We are sorry to tell you that there will be a delay of twenty minutes on this bus today.



Students using this bus

- A. will arrive at their school 20 minutes later.
- B. will arrive at their school at 11:05.
- C. will be at their school in 20 minutes.

5.

New Message

From: Paul

To: Alice

Hello
When are you buying your new bicycle?
This Monday or the next? Can I ride your new bike when you get it?

Why has Paul written this?

- A. to tell Alice about his new bicycle
- B. to suggest meeting Alice next Monday
- C. to ask Alice if he can ride her new bicycle

6.

Beach Restaurant

Please ask your waiter for the children's menu.
Every child gets a free dessert with their meal.



- A. Children can get a free meal.
- B. There is special food for children.
- C. The waiter can have a free dessert.

II. For each question, choose the correct answer.

1.

Circus in Town

Come and see wild animals and funny clowns in an amazing show for the whole family.

Buy tickets now!
Half-price tickets for children!
Show Time: Saturday and Sunday 7pm



2.



3.

City Zoo

The City Zoo is open from Tuesday to Sunday, from 9am to 5pm.
 All children must be with an adult.
Mondays: closed all day



4.

New Message

From: Paul
To: Alice

Hello
 When are you buying your new bicycle?
 This Monday or the next? Can I ride your new bike when you get it?

5.

Beach Restaurant

Please ask your waiter for the children's menu.
 Every child gets a free dessert with their meal.



1. What does the notice say about tickets for the circus?
 - A. Children's tickets are cheaper than adult tickets.
 - B. Tickets can only be bought on Saturday and Sunday.
 - C. You cannot buy your tickets before the weekend.
2. What is Elsa unsure about?
 - A. When they are going to the museum.
 - B. How they will travel to the museum.
 - C. Who will sit with Jane on the trip.
3. How long is City Zoo open on the days when it is open?
 - A. seven hours
 - B. nine hours
 - C. eight hours
4. What does Paul want to know?
 - A. whether Alice will sell him her bicycle
 - B. when Alice is going to buy her new bicycle
 - C. why Alice wants a new bicycle
5. At the Beach Restaurant, children...
 - A. do not have to pay for a dessert when they have a meal.
 - B. must pay extra if they want a dessert.
 - C. have to order the same food as adults.